TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2026
V/v tranh chấp "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Huyền Thanh.

Ông Trần Thanh Liêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Nhật là Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2026/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2026 về *"Tranh chấp xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị S, sinh năm 1988; Căn cước công dân số: 096188001175 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Sơn V, sinh năm 1988; Căn cước công dân số: 096088016734 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn, bà Thạch Thị S trình bày:*

Về hôn nhân: Năm 2006, bà Thạch Thị S và ông Sơn V có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện. Đến ngày 21/5/2007, vợ chồng mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau).

Lý do xin ly hôn: Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hôn nhân ất hạnh phúc nhưng thời gần đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân khoảng được 03 năm. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên bà

Thạch Thị S yêu cầu ly hôn với ông Sơn V.

Về nuôi con: Có 03 người con chung tên Sơn Thanh S1 (giới tính nam), sinh ngày 07/02/2006; Sơn Thị Kim A (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/2011 và Sơn Thị Ngọc A1 (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/2011. Hiện cháu S1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Kim A và Ngọc A1 đang sống với bà S. Khi ly hôn, bà S yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim A và Ngọc A1, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn, ông Sơn V trình bày:*

Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như bà Thạch Thị S trình vày. Hôn nhân có lập thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau). Nay qua yêu cầu ly hôn của bà S, ông V đồng ý ly hôn.

Về nuôi con: Có 03 người con chung tên Sơn Thanh S1 (giới tính nam), sinh ngày 07/02/2006; Sơn Thị Kim A (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/2011 và Sơn Thị Ngọc A1 (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/2011. Hiện cháu S1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết. Còn cháu Kim A và Ngọc A1 đang sống với bà S. Khi ly hôn, cháu Kim A và Ngọc A1 có nguyện vọng theo ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con ông V không yêu cầu.

Tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bà Thạch Thị S yêu cầu ly hôn với ông Sơn V, yêu cầu nuôi con chung và không có yêu cầu gì khác. Đây là vụ án tranh chấp ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; do ông Vũ cư T tại ấp B, xã Đ, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Cà Mau theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (được sửa đổi, bổ sung một số Điều năm 2025).

Bà Thạch Thị S và ông Sơn V có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt vì bận công việc, điều kiện đi lại khó khăn, yêu cầu này của đương sự là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Năm 2006, bà Thạch Thị S và ông Sơn V có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Cà Mau (nay là xã Đ, tỉnh Cà Mau) theo Giấy chứng nhận kết

hôn số 46 ngày 21/5/2007. vì vậy quan hệ giữa bà Thạch Thị S và ông Sơn V được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Bà Thạch Thị S và ông Sơn V xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc, vợ chồng không còn chung sống khoảng 03 năm nay nên bà Thạch Thị S yêu cầu ly hôn với ông Sơn V, ông V đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã đến mức trầm trọng, có duy trì cũng không mang lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thạch Thị S đối với ông Sơn V theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có ba người con chung tên Sơn Thanh S1 (giới tính nam), sinh ngày 07/02/2006; Sơn Thị Kim A (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/2011 và Sơn Thị Ngọc A1 (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/2011. Hiện cháu S1 đã trưởng thành nên bà S không yêu cầu Toà án giải quyết. Cháu Kim A và Ngọc A1 đang sống với bà Thạch Thị S. Khi ly hôn, bà S yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án ông Sơn V ý kiến con theo ai thì người đó nuôi. Mặt khác, từ khi hai đương sự sống ly thân cho đến nay, cháu Kim A và Ngọc A1 được bà S một mình chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu vẫn phát triển bình thường về thể chất và tinh thần nên giao cháu Kim A và Ngọc A1 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu (*Đơn trình bày nguyện vọng ngày 24/6/2026)* và quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Ông S2 Vũ quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, nợ thu và nợ trả: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị S phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho bà Thạch Thị S ly hôn đối với ông Sơn V.

- Về nuôi con: Có ba người con chung tên:

Sơn Thanh S1 (giới tính nam), sinh ngày 07/02/2006;

Sơn Thị Kim A (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/2011;

Sơn Thị Ngọc A1 (giới tính nữ), sinh ngày 03/7/2011,

Hiện cháu Thanh S1 đã trưởng thành nên không giải quyết. Khi ly hôn, giao cháu Sơn Thị Kim A và Sơn Thị Ngọc A1 cho bà Thạch Thị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông S2 Vũ quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị S phải chịu 300.000 đồng. Bà Thạch Thị S đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0008498 ngày 25/6/2026, của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 4, 6, 7 và 8 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự*".

Bà Thạch Thị S và ông Sơn V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng THADS Khu vực 5 – Cà Mau;
- UBND xã Đất Mới, tỉnh Cà mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Diệu Hiền